

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/3/2022

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thanh Tâm.

2. Bà Hồ Thị Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2022, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 376/2021/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Thúy E**, sinh năm 1991 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

HKTT: Số X, ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Ấp Y, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số X, ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Thúy E trình bày: Vào năm 2010, bà E và ông T tự nguyện kết hôn với nhau, được 02 gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc

Trăng, số 355/2011, quyền 02/2011, ngày 16/12/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, có 02 con chung tên Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 20/9/2011 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 14/01/2021, hiện nay đang sống với cha.

Đầu năm 2021 do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng. Ông T không quan tâm vợ con, thường ăn nhậu và cãi vã nhiều lần. Ông T còn nhiều lần dùng dao chém bà E, có lần đã bị thương và phải đi bệnh viện. Bà E đã về nhà cha mẹ ruột sống. Gần đây ông T còn hăm đánh bà E. Vì vậy, nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T được nữa, nay bà E yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết những việc như sau:

- Về hôn nhân: Bà E yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà E đồng ý giao các con chung tên Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 20/9/2011 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 14/01/2021 cho ông T trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi do ông T có đủ điều kiện để nuôi các con, còn bà E thì không đủ điều kiện để nuôi các con vì bà không nghề nghiệp, không có chỗ ở ổn định. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông T cho rằng có mâu thuẫn vợ chồng và ông có đánh bà E nhưng cách đây đã 03-04 năm, thời gian đó do ông nhậu say không kiểm soát được. Khoảng 02 năm nay vợ chồng không có mâu thuẫn nữa và ông vẫn lo cho kinh tế gia đình. Ông T còn thương bà E nên có yêu cầu được hàn gắn để vợ chồng cùng nhau chăm sóc con chung. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu T1 và cháu K, không yêu cầu bà E cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn không tham gia tố tụng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

*Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tuy nhiên còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Bà E và ông T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông T có đánh bà E do nhậu say không kiểm soát được. Xét thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tinh thần tự nguyện của hai bên, vợ

chồng phải yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù ông T muốn hàn gắn tình cảm nhưng bà E đã kiên quyết ly hôn cho thấy hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, bà E yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà E đồng ý để ông T nuôi 02 con chung vì bà không có đủ điều kiện nuôi con, không có nghề nghiệp và chỗ ở ổn định. Ông T cũng đồng ý nuôi. Xét thấy cháu T1 và cháu K đang sống với cha và cháu T1 có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha, cháu K thì còn nhỏ nhưng bà E không đủ điều kiện nuôi con nên cần giao cháu T1 và cháu K cho ông T nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà E, không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân gia đình. Bà E không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích trên.

Về án phí Hôn nhân gia đình: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Thúy E vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thúy E và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà E và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân từ năm 2021 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà E và ông T sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông T có yêu cầu muốn hàn gắn nhưng đến nay bà E và ông T đều không tham gia phiên tòa, bà E đã kiên quyết ly hôn nên mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà E.

[2.3] Về con chung: Bà E và ông T có hai con chung là cháu Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 20/9/2011 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 14/01/2021 đang sống với ông T và có cuộc sống tốt. Tại Biên bản hòa giải ngày 08/02/2022, bà E và ông T đã thống nhất giao các con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (có theo nguyện vọng của cháu T1), đến nay không có ý kiến khác nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao các con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu bà E cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 238; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

### **TUYÊN XỬ:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thúy E.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thúy E được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 20/9/2011 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 14/01/2021 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà Võ Thị Thúy E được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bà Võ Thị Thúy E cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Võ Thị Thúy E phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001527 ngày 22/12/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, đề Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Linh Đa**